

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 516/2025/DS-PT
Ngày: 25-8- 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 372/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh T.

- Bị đơn:

1. Ông Võ Văn T1, sinh năm: 1962;

2. Bà Trương Thị L, sinh năm: 1964;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Văn N, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ sau khi sáp nhập: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Văn T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2024 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T cùng những lời trình bày như sau:

Từ đầu năm 2024 ông T3 có đến đại lý vật tư nông nghiệp của ông để mua phân bón đến nay còn nợ tổng cộng số tiền 433.2750.000 đồng. Ông T3 chỉ có ký nhận 04 hóa đơn tại các ngày 15/5/2024, 24/5/2024, 05/6/2024, 21/6/2024 với tổng số tiền 295.110.000 đồng. Đối với những hóa đơn còn lại thì ông T3 không có ký nhận.

Nay ông T yêu cầu ông T3, bà L phải liên đới trả cho ông T số tiền 295.110.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng kể từ ngày 06/10/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Võ Văn T1 có lời trình bày: Ông thừa nhận có mua thiếu của ông T phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhưng không nhớ số lượng và không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu. Ông thừa nhận 04 hóa đơn ông T cung cấp với số tiền và số lượng cụ thể trong từng hóa đơn là do ông ký nhận và từ khi mua bán đến nay cũng chưa trả tiền cho ông T. Nay ông không đồng ý liên đới với bà L trả nợ theo yêu cầu của ông T số tiền 295.110.000 đồng và lãi suất phát sinh vì số tiền thiếu này là ông mua để sử dụng chung với ông N và ông T2 thì ông N và ông T2 phải có nghĩa vụ chung với ông. Ngoài ra, ông T1 cho rằng trong số phân bón ông T bán có một số phân giả làm ảnh hưởng đến năng suất lúa nên ông chưa đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông T.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trương Văn N và ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Giữa ông N, ông T2 và ông T1 có thỏa thuận mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông T để làm lúa tại Campuchia. Nhưng việc mua bán là do ông T1 đại diện đứng ra mua và các ông không trực tiếp giao dịch với ông T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông T1, bà L thì ông N và ông T2 không liên quan.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 -Tây Ninh đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.Các Điều 280, 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các Điều 17, 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông T1, bà L về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc ông T1, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền gốc là 295.110.000 đồng và tiền lãi là 20.645.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông T1, bà L. Ông T không phải chịu. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.100.000 đồng theo biên lai thu số 0002296 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, bị đơn ông T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông T1 có lời trình bày: Kháng cáo bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do số phân, cụ thể mặt hàng DAP của Korea không đảm bảo chất lượng, theo sự giới thiệu của ông T mặt hàng này giá thấp và nguồn gốc không rõ ràng nên ông có mua sử dụng và sau khi bón phân cho lúa dẫn đến cây lúa bị vàng lá, ông có yêu cầu ông T đến hiện trường xem, sau đó có bón một số loại thuốc để dưỡng lại nhưng kết quả năng suất thấp, nhưng phần lúa giáp ranh không sử dụng phân bón trên thu hoạch 5tấn/1mẫu đất nhưng đối với diện tích lúa sử dụng loại phân bón trên thu hoạch hơn 01 tấn/mẫu đất.

Nguyên đơn ông T có lời trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông T1. Mặt hàng DAP Korea không có trong hóa đơn nhận nợ, có một số hóa đơn ông T1 không ký nhận ông không khởi kiện. Không có sự việc ông T1 gọi ông T xuống hiện trường để xem việc lúa bón phân bị ảnh hưởng năng suất.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông T1 kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông T1 kháng cáo không đồng ý trả cho ông T số tiền 295.110.000 đồng và tiền lãi là 20.645.000 đồng. Lý do mặt hàng

DAP Korea kém chất lượng làm ảnh hưởng đến năng suất của lúa. Tuy nhiên, ông T1 không có căn cứ để chứng minh mặt hàng DAP Korea là kém chất lượng và tại biên nhận nợ ông T khởi kiện không có mặt hàng DAP Korea. Nên yêu cầu kháng cáo của ông T1 không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, - Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông T1 kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn bà L không kháng cáo. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông T1 không đồng ý trả cho ông T số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 295.110.000 đồng và trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng. Lý do do phân bón hiệu DAP Korea là hàng giả dẫn đến gây thiệt hại lúa của ông T1. Nguyên đơn ông T không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông T1.

[3.1] Căn cứ vào 04 hóa đơn bán hàng tại các ngày 15/5/2024, 24/5/2024, 05/6/2024, 21/6/2024 đều có chữ ký của ông T1 và ông T1 cũng thừa nhận các hóa đơn này là do ông ký nhận và ông cũng thừa nhận còn thiếu nợ tiền mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đối với ông T; Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông T1 cho rằng việc ông T bán phân bón mặt hàng DAP Koera là hàng giả làm ảnh hưởng đến năng suất lúa của ông T1 nhưng ông T1 không cung cấp chứng cứ chứng minh là hàng giả, đồng thời tại các biên nhận nợ ông T khởi kiện không thể hiện có mặt hàng DAP Korea. Nên yêu cầu kháng cáo của ông T1 không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích tại mục [3] không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T1. LỜI đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T1 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn T1.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T3 được miễn án phí.

3. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 9 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền